

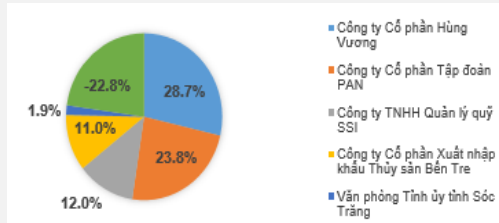
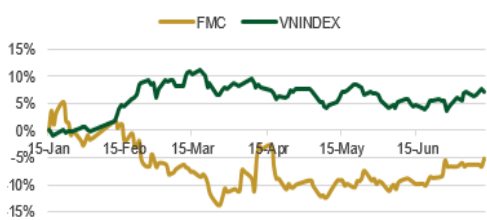
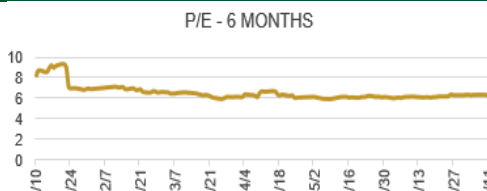
MUA [+15%]

Ngày cập nhật: 17/07/2019

 Giá mục tiêu 34,462 VNĐ
 Giá hiện tại 30,000 VNĐ

Bùi Thị Thùy Dương
 (+84-8) 5413 5472 – duongbui@phs.vn
Thông tin cổ phiếu

CP đang lưu hành (triệu)	40.2
Free-float (triệu)	12.1
Vốn hóa (tỷ đồng)	1,192
KLGD TB 3 tháng	70,394
Sở hữu nước ngoài	10.5%
Ngày niêm yết đầu tiên	7/12/2006

Cổ đông lớn

Biến động giá cổ phiếu so với Index

Lịch sử định giá


Nguồn: FiinPro

Hưởng lợi trực tiếp từ các hiệp định thương mại

Cập nhật kết quả kinh doanh 2019: Kết thúc 6 tháng đầu năm, FMC công bố kết quả sơ bộ với doanh số tiêu thụ (bao gồm tôm và nông sản) đạt 73.3 triệu USD, giảm nhẹ 4% so với cùng kỳ 2018. Nếu chỉ tính riêng tháng 5 và tháng 6, doanh số FMC đã có sự hồi phục trở lại khi tăng 5% do bước vào vụ thu hoạch chính từ cuối tháng 5 và thu hoạch rộ trong tháng 6. Đồng thời, năm nay thời tiết thuận lợi, thả nuôi tốt, đạt sản lượng trên 6,800 tấn (+7%) và có lãi khá, lợi nhuận dần được cải thiện trong Q2 với mức lãi sau thuế ước tính là 45 tỷ, tương ứng với mức lãi ròng trong 6 tháng đầu năm đạt 86 tỷ (+40%).

Dự báo 2019: Giá tôm trải qua giai đoạn rớt giá mạnh về dưới 90 nghìn đồng/kg trong tháng 6. Dự báo từ nay đến cuối năm, giá tôm tiếp tục duy trì ở mức thấp nhưng không giảm sâu nữa do nhu cầu gia tăng vào dịp cuối năm. Với giá định giá tôm trung bình năm 2019 giảm nhẹ 4% so với năm 2018 và sản lượng tăng đều 10% mỗi năm, chúng tôi dự phóng doanh thu FMC đạt 4,023 tỷ đồng (+6%yoy). Giá định biên lợi nhuận duy trì ở mức 10.4%, lợi nhuận sau thuế ước tính của FMC đạt 205 tỷ (+13%).

Động lực tăng trưởng:

Hưởng lợi từ các hiệp định thương mại: CPTPP và EVFTA đều có những tác động tích cực cho ngành tôm nói chung khi sản phẩm tôm được đưa về 0% ngay khi Hiệp định có hiệu lực và có lợi cho FMC nói riêng khi Nhật và EU đều là 2 thị trường lớn của FMC (chiếm ~36% và 43% trong tổng doanh thu FMC).

Nắm bắt lợi thế xuất khẩu tôm bao bột vào thị trường Mỹ: Trong bối cảnh Mỹ nâng mức thuế cho tôm bao bột Trung Quốc từ 10 lên 25% và mức thuế sơ bộ POR13 cho sản phẩm tôm Việt Nam về 0%, FMC đã triển khai chuyển nhà máy Tin An sang sản xuất tôm bao bột, dự kiến gia tăng đơn hàng cho sản phẩm này.

Gia tăng tỷ trọng đối với các sản phẩm chiên, tempura, kakiage: Các sản phẩm chế biến thường mang lại giá trị gia tăng cao hơn so với sản phẩm tôm đông lạnh thông thường, kỳ vọng sẽ hỗ trợ cải thiện biên lãi gộp.

Rủi ro:

Biến động giá tôm: Tình trạng dư cung vẫn còn khi sản lượng ở các nước XK tôm chủ yếu như Ấn Độ, Ecuador, Thái Lan vẫn đang gia tăng nuôi trồng.

Khả năng tự chủ thấp: FMC hiện chưa chủ động được khâu tôm giống và thức ăn trong khi tự chủ vùng nuôi chỉ khoảng 20%.

Rủi ro pha loãng: Năm 2019, FMC dự kiến phát hành 8.04 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, nâng tổng SLCP đang lưu hành lên 48.24 triệu cổ phiếu.

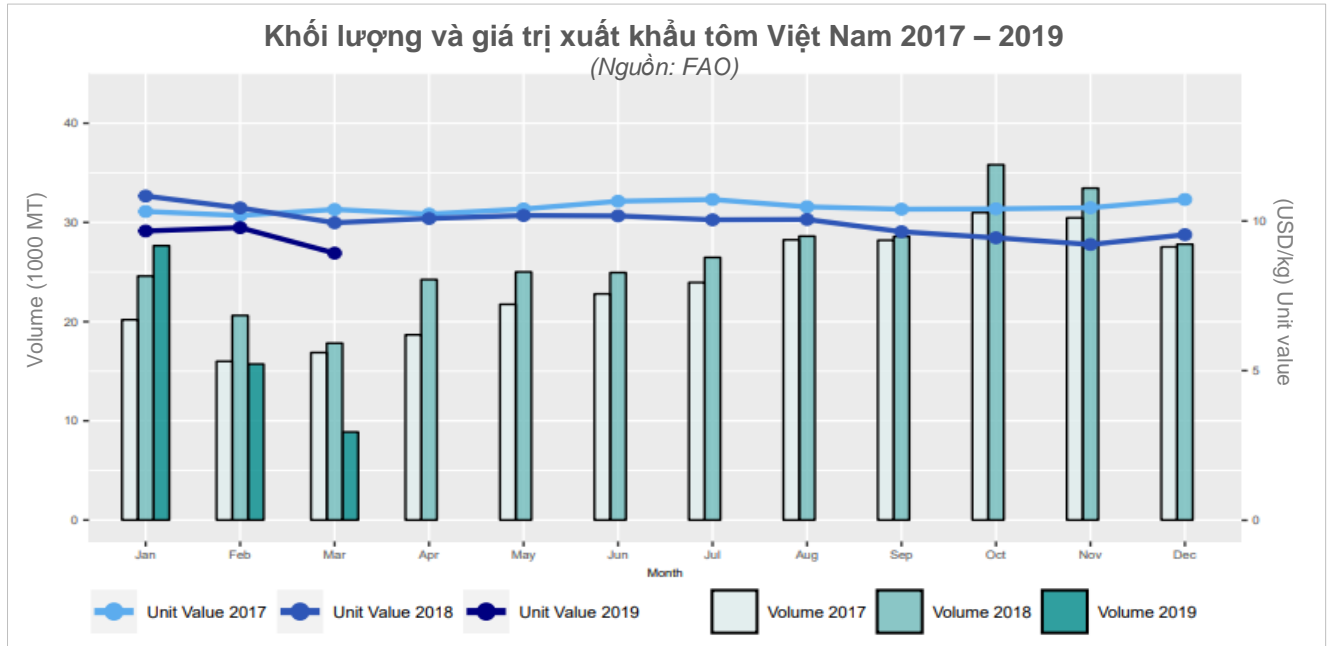
Định giá: Bằng phương pháp DCF và P/E, mức giá hợp lý cho FMC sau pha loãng là **34,462 đồng/ cổ phiếu** (tương ứng P/E forward 8.x), từ đó đưa ra khuyến nghị **MUA** cho cổ phiếu này

Chỉ số tài chính	2014A	2015A	2016A*	2017A*	2018A	2019F	2020F	2021F	2022F
Doanh thu thuần (tỷ VND)	2,881	2,877	3,079	3,498	3,807	4,023	4,439	4,974	5,571
Lợi nhuận sau thuế (tỷ VND)	63	97	103	112	180	205	230	266	291
EPS (VND)	3,140	4,868	3,425	2,881	4,490	4,244	4,767	5,522	6,042
Tăng trưởng EPS (%)		55%	-30%	-16%	56%	-5%	12%	16%	9%
Giá trị sổ sách (VND)	19,465	17,252	15,855	14,723	17,134	17,316	19,021	21,235	23,195
P/E	7.2	5.3	5.6	7.9	6.5	8.1	-	-	-
P/B	1.2	1.5	1.2	1.5	1.7	2.0	-	-	-
Cổ tức tiền mặt (%)	9%	65%	18%	23%	15%	20%	-	-	-

*Theo niên độ từ ngày 1/1/2016 – 31/12/2016 và 1/1/2017 – 31/12/2017

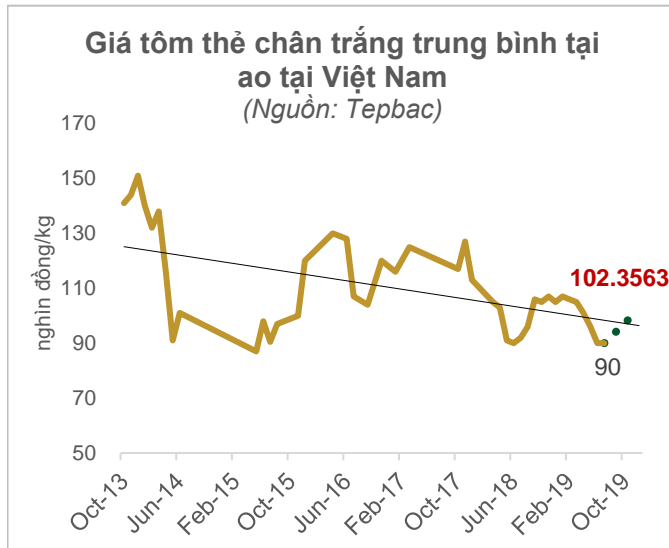
Nguồn: PHS

1H2019 – ngành tôm chưa hết khó khăn



Xuất khẩu tôm Việt Nam trong những tháng đầu năm 2019 tiếp tục xu hướng giảm khi ghi nhận kết quả 3 tháng đạt 617.6 triệu USD (-16.9% yoy). Trong đó, xuất khẩu sang hầu hết các thị trường chính đều sụt giảm mạnh cả về khối lượng lẫn giá trị xuất khẩu. Nguyên nhân chủ yếu do tồn kho ở các nước nhập khẩu còn cao, trong khi cung tôm tăng mạnh khiến giá tôm sụt giảm. Ngoài ra, tôm Việt Nam còn gặp khó khăn khi giá thành nuôi tôm cao khiến khó cạnh tranh về giá so với các nước đối thủ.

Giá tôm sẽ chưa khởi sắc vào giai đoạn cuối năm



Từ đầu năm đến nay thời tiết khá thuận lợi nên sản lượng nuôi trồng tôm tại Ấn Độ, Ecuador, Indonesia, Thái Lan đều đồng loạt tăng mạnh, gây áp lực lên giá bán ra.

Tính đến tháng 6/2019, giá tôm loại thẻ chân trắng đã giảm 14% kể từ cuối năm 2018 về mức 90 nghìn đồng/kg. Nửa cuối năm 2019, dự kiến giá tôm sẽ tiếp tục duy trì ở mức thấp do các nước xuất khẩu lớn tiếp tục vào vụ thu hoạch nên sản lượng sẽ khó giảm.

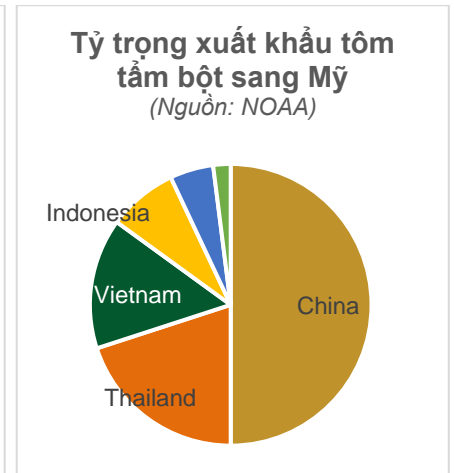
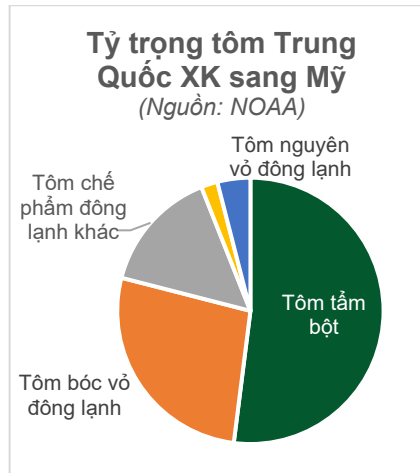
Đến 2019Q4, kỳ vọng giá tôm sẽ không giảm sâu nữa do đã qua giai đoạn thu hoạch trong Q2 và Q3 cùng với nhu cầu gia tăng khi bước vào giai đoạn lễ/ tết cuối năm, kỳ vọng giá tôm sẽ dao động quanh ngưỡng 100 – 102 nghìn đồng/kg vào thời điểm cuối năm 2019, tương ứng với mức giảm 4% so với cuối năm 2018.

Lợi thế của con tôm Việt

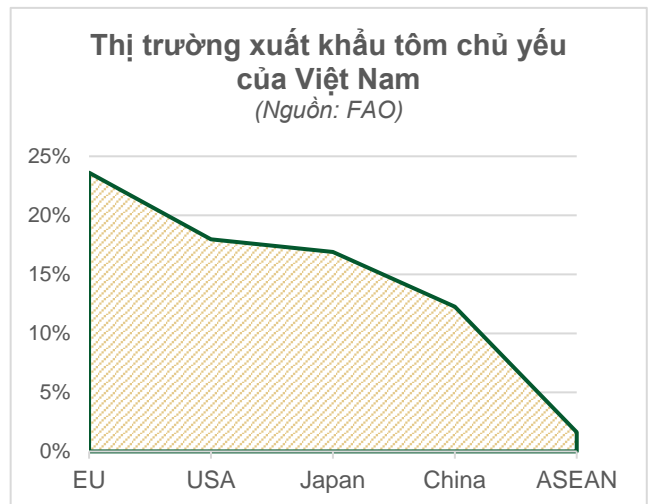
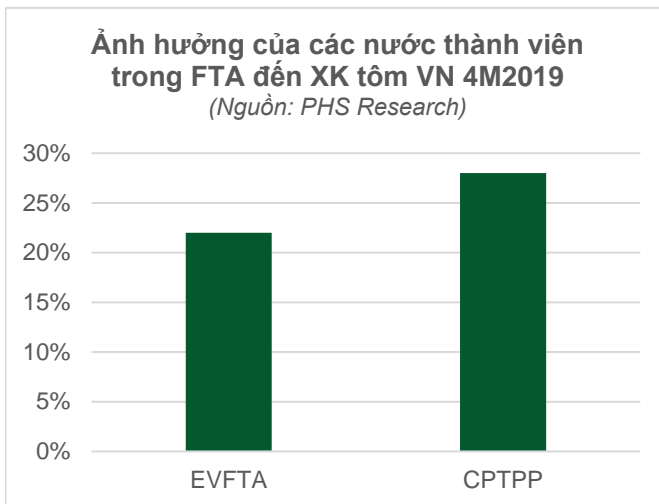
Thuế chống bán phá giá (CBPG) cho tôm Việt Nam sang Mỹ được điều chỉnh về 0%: Việt Nam hiện là nước xuất khẩu tôm lớn thứ 3 tại Mỹ và trên toàn thế giới (chỉ sau Ấn Độ và Ecuador). Theo đó, kết luận sơ bộ của Bộ Thương mại Mỹ (DOC) trong lần xem xét hành chính lần thứ 13 (POR13), mức thuế CBPG của 31 doanh nghiệp sản xuất tôm Việt Nam đã được giảm về mức 0%, điều này hỗ trợ con tôm Việt Nam có thể cạnh tranh với tôm Ấn Độ khi xuất khẩu sang Mỹ.

	Vietnam	India	Ecuador	Thailand	Indonesia	China
Thuế xuất khẩu tôm vào Mỹ	0%	1.35%	0%	0.81%	0%	25%

Đại diện DOC cũng vừa thông báo về mức thuế bổ sung cho các sản phẩm thủy sản Trung Quốc tăng từ 10% lên 25%, có hiệu lực từ tháng 5/2019. Trong đó, tôm tằm bột là sản phẩm chịu ảnh hưởng mạnh nhất do không chịu thuế CBPG trước đây và cũng là sản phẩm xuất khẩu chủ yếu của Trung Quốc sang Mỹ (chiếm 50% tổng kim ngạch xuất khẩu tôm sang Mỹ). Đây sẽ là cơ hội cho doanh nghiệp tôm Việt Nam mở rộng thị phần tôm tằm bột tại Mỹ khi tỷ trọng hiện tại chỉ 15%.



Tôm Việt hưởng lợi từ các hiệp định thương mại

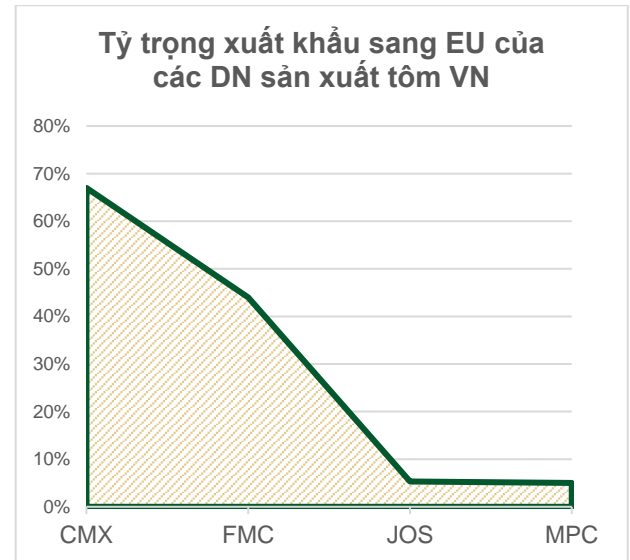
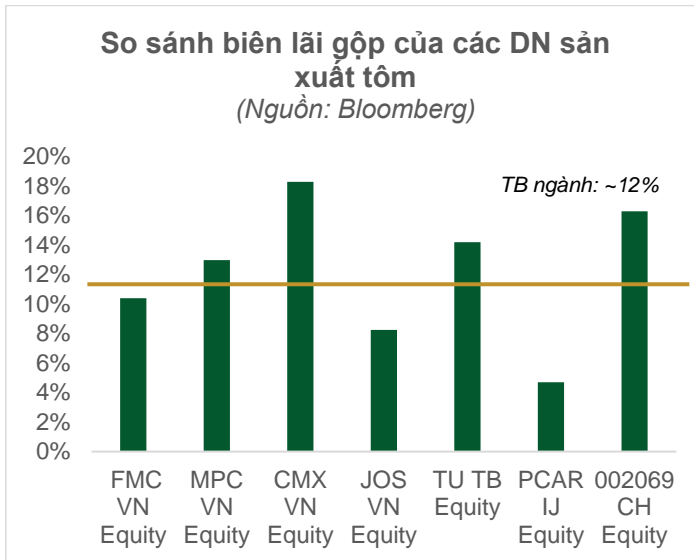


Hai hiệp định CPTPP (đã có hiệu lực) và EVFTA (đã ký kết, chưa có hiệu lực) đều quan trọng với xuất khẩu tôm Việt Nam khi lần lượt chiếm 28% và 22% trong tổng kim ngạch xuất khẩu tôm (giai đoạn 4M2019). Trong đó, các nước trong hiệp định CPTPP như Nhật, Canada, Úc là các thị trường lớn thứ 3, thứ 6 và 7 của tôm Việt Nam, trái lại, giá trị xuất khẩu tôm vào EU chiếm vị trí thứ 1.

Ngoài ra, ngay khi CPTPP có hiệu lực, tôm xuất khẩu Việt Nam được giảm thuế ngay về mức 0%. Đối với thị trường EU, tôm Việt Nam hiện đang bị áp thuế cao (12.5% đối với tôm nguyên liệu và 20% đối với tôm thành phẩm), vì vậy, ngay khi EVFTA có hiệu lực, tôm xuất khẩu từ Việt Nam cũng sẽ được giảm ngay về mức 0%.

Kế hoạch và động lực tăng trưởng

- Hoàn thiện kho lạnh 5,000 tấn
- Chuyển nhà máy Tin An chế biến tôm bột, công suất 4,000 – 5,000 tấn/ năm, nhằm đón nhận cơ hội khi tôm bao bột Trung Quốc bị áp thuế 25%.
- Gia tăng tự chủ vùng nuôi thêm 90 ha, dự kiến sẽ triển khai thả nuôi trong Q4/2019, từ đó ước tính sẽ nâng sản lượng thu nuôi thêm 2,000 tấn tôm mỗi năm, tương ứng tăng 10% nguyên liệu chủ động.
- Đón nhận cơ hội từ thị trường EU: Thị phần tôm Việt Nam chiếm khoảng 12% tổng kim ngạch nhập khẩu tôm của EU, đứng đầu là Ecuador, theo sau là Ấn Độ. Hiện tại, FMC có khoảng 44% giá trị xuất khẩu sang EU (chỉ sau CMX), kỳ vọng FMC sẽ được hưởng lợi ngay khi EVFTA có hiệu lực.
- Nhà máy An San: xây dựng xưởng chiên để chế biến các sản phẩm ăn liền như tempura, kakiage, fritter,... có giá trị gia tăng cao hơn so với sản phẩm tôm cấp đông thông thường, từ đó, kỳ vọng cải thiện biên lợi nhuận gộp.



Kết quả kinh doanh của FMC và dự phóng 2019

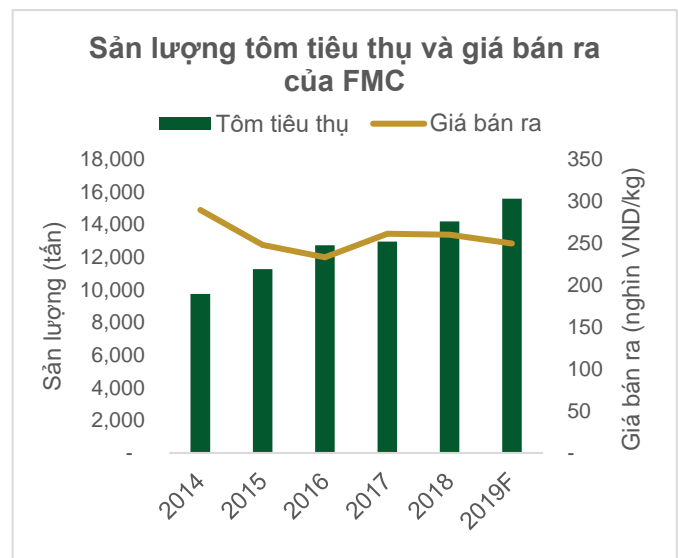
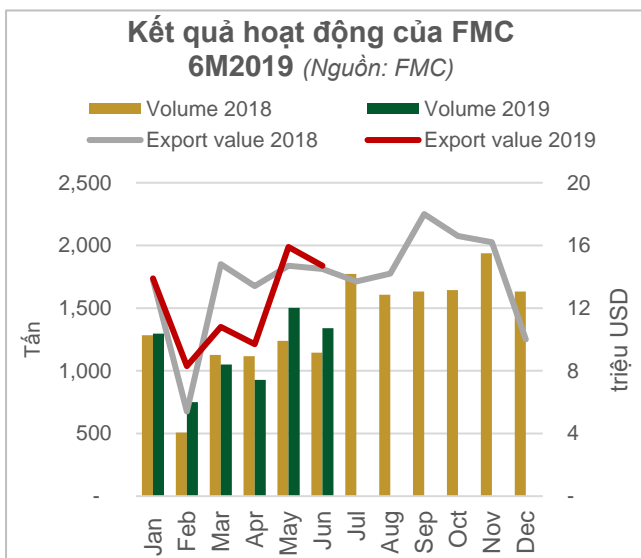
Kết quả 6 tháng đầu năm 2019: Đi cùng chiều với xu hướng chung

Hoạt động kinh doanh khởi sắc hơn trong tháng 5 và tháng 6 khi FMC bước vào vụ thu hoạch chính, nâng sản lượng tiêu thụ và giá trị xuất khẩu trong 2 tháng lần lượt tăng 19% và 5% so với cùng kỳ 2018.

Tính chung 6 tháng, sản lượng tiêu thụ ghi nhận đạt 6,867 tấn (+7%) và doanh số tiêu thụ đạt 73.3 triệu USD, giảm nhẹ 4% do hoạt động kém khả quan vào đầu năm.

Dự báo năm 2019

Với giả định giá tôm vào cuối năm 2019 giảm nhẹ 4% so với năm 2018 và sản lượng tăng đều 10% mỗi năm, chúng tôi dự phóng doanh thu FMC đạt 4,023 tỷ đồng (+6%/yoy). Giả định biên lợi nhuận duy trì ở mức 10.4%, lợi nhuận sau thuế ước tính của FMC đạt 205 tỷ (+13%).



Rủi ro:

(1) Rủi ro biến động giá tôm: Tình trạng dư cung vẫn còn khi sản lượng ở các nước xuất khẩu tôm chủ yếu như Ấn Độ, Ecuador, Thái Lan vẫn đang gia tăng nuôi trồng. Cụ thể, trong Q3 dự kiến sẽ còn giảm khi Ấn Độ, Việt Nam đều vào mùa vụ, kỳ vọng giá tôm sẽ hồi phục nhẹ trở lại vào Q4 khi nhu cầu gia tăng.

(2) Tỷ lệ tự chủ nguyên liệu còn thấp: Trong bối cảnh giá tôm xuống thấp, kiểm soát giá thành nuôi tôm là vấn đề quan tâm hàng đầu. Trong đó, FMC hiện tại chưa tự chủ được khâu tôm giống và nguồn thức ăn (trong khi MPC đã tự chủ được 2 khâu này), đồng thời, tỷ lệ tự chủ vùng nuôi hiện tại của FMC chỉ khoảng 20%.

(3) Rủi ro pha loãng: Tại AGM 2019, phương án phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu được phê duyệt với tỷ lệ thực hiện là 100:20 (tương ứng số lượng dự kiến chào bán 8.04 triệu cổ phiếu), dự kiến sẽ phát hành trong năm 2019. Mục đích của đợt phát hành sẽ bổ sung nguồn vốn để mở rộng vùng nuôi.

(4) Tỷ lệ free-float khá thấp: Tỷ lệ free-float của FMC hiện tại khá thấp ở khoảng 30%, trong khi thủy sản Hùng Vương và PAN Group nắm giữ gần 53%. Khối lượng giao dịch trung bình 10 phiên của FMC cũng chỉ khoảng hơn 70 nghìn cổ phiếu.

Kết quả định giá:

Bảng phương pháp DCF và P/E, ước tính mức giá hợp lý cho cổ phiếu FMC sau pha loãng sẽ vào khoảng **34,462 đồng/ cổ phiếu** (tương đương P/E forward 8x). Từ đó đưa ra khuyến nghị **MUA** cho cổ phiếu này.

Phương pháp DCF

(tỷ VND)	2019F	2020F	2021F	2022F	2023F
LNST	205	230	266	291	329
Lãi vay sau thuế	12	11	13	15	16
Khấu hao	65	71	77	85	92
Đầu tư XD/CB	53	59	66	74	85
Thay đổi vốn lưu động	-40	126	182	202	178
FCFF	268	128	109	116	174
Giá trị hiện tại (WACC 9%)	246	108	85	83	114
Giá trị cuối cùng (g~2%)	1,618				
Giá trị doanh nghiệp	2,254				
Nợ	593				
Tiền mặt	27				
Giá trị vốn hóa	1,687				
Số lượng cổ phần (triệu)	48.24				
Giá hợp lý	34,973				

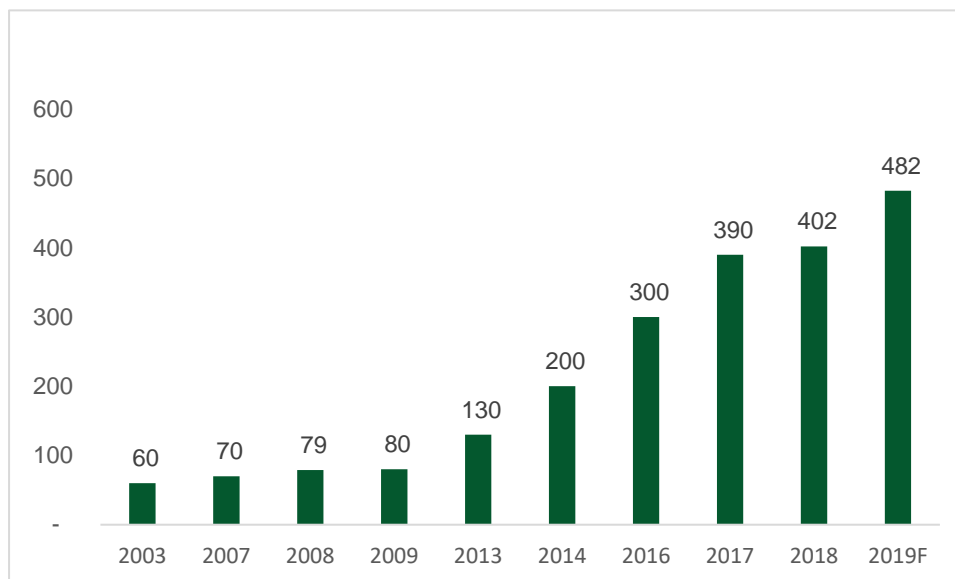
Định giá		
P/E (P/E forward ~8.x)	33,952	50%
DCF	34,973	50%
Giá mục tiêu	34,462	

Sơ lược công ty

- Tiền thân là doanh nghiệp 100% vốn Ban TCQT Tỉnh uỷ Sóc Trăng, thành lập ngày 20/1/1995, đi vào hoạt động 3/2/1996 chuyên chế biến tôm đông lạnh xuất khẩu. Đến 1/1/2003 doanh nghiệp được cổ phần và đổi tên là Công ty cổ phần thực phẩm Sao Ta, tên thương mại FIMEX VN. Ngày 7/12/2006 cổ phiếu FIMEX VN lên sàn giao dịch chứng khoán TP.HCM với mã tên FMC và phần vốn Văn phòng Tỉnh uỷ Sóc Trăng sở hữu đến nay chỉ còn dưới 7%.
- Qua hơn 18 năm hoạt động, FMC đã đặt được nền tảng vững chắc ở 2 thị trường lớn là Nhật Bản và Hoa Kỳ; đồng thời giữ một thị phần khá tốt ở EU, Hàn Quốc. Trình độ chế biến sản phẩm tôm ở FMC thuộc hàng đầu ở Việt Nam và đã được tiêu thụ ở các hệ thống nhà hàng, hệ thống phân phối lớn. Từ năm 2008, FMC đã lập thêm nhà máy chế biến nông sản, tiêu thụ chủ yếu ở thị trường Nhật Bản với các sản phẩm chính là kakiage, khoai lang, đậu bắp, cà tím, ớt chuông... ở dạng hấp, chiên, tươi, phối chế... Nhận thấy tình hình nuôi tôm đang phát triển, từ đầu năm 2015, FMC đưa thêm nhà máy chế biến tôm đông lạnh mới xây xong vào hoạt động, tăng công suất chế biến thêm 60%.
- FMC có vùng nuôi tôm riêng rộng 160 hecta, đạt chuẩn BAP, ASC tạo thêm an tâm về tôm sạch tới khách hàng. Hàng trăm hecta hợp tác nông dân để gieo trồng nông sản phục vụ chế biến xuất khẩu.



Quá trình tăng vốn (tỷ VNĐ)



Nguồn: FMC và PHS tổng hợp

Báo cáo tài chính (tỷ VNĐ)

Kết quả kinh doanh	2014A	2015A	2016A	2017A	2018	2019F
Doanh thu thuần	2,881	2,877	3,079	3,498	3,807	4,023
Giá vốn hàng bán	(2,653)	(2,605)	(2,841)	(3,225)	(3,412)	(3,606)
Lợi nhuận gộp	228	272	238	273	395	417
Chi phí bán hàng	(80)	(85)	(72)	(97)	(101)	(109)
Chi phí QLDN	(62)	(61)	(47)	(47)	(77)	(73)
Lợi nhuận từ HĐKD	78	96	108	115	194	213
Lợi nhuận tài chính	(8)	(31)	(11)	(14)	(23)	(22)
Chi phí lãi vay	(13)	(16)	(21)	(32)	(23)	(15)
Lợi nhuận trước thuế	79	105	109	115	194	216
Lợi nhuận sau thuế	63	97	103	112	180	205
LNST của cổ đông Công ty mẹ	63	97	103	112	180	205
Cân đối kế toán	2014A	2015A	2016A	2017A	2018	2019F
Tài Sản Ngắn Hạn	999	1,091	1,078	1,343	1,187	1,223
Tiền và tương đương tiền	241	323	326	166	27	109
Đầu tư tài chính ngắn hạn	21	92	-	-	5	5
Phải thu ngắn hạn	184	208	251	413	289	336
Hàng tồn kho	532	441	477	736	837	739
Tài sản ngắn hạn khác	22	27	24	28	29	33
Tài Sản Dài Hạn	191	253	296	307	308	313
Phải thu dài hạn	-	-	0	-	-	0
Tài sản cố định	97	218	234	276	276	262
Bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
Chi phí xây dựng dở dang	73	0	29	3	13	15
Đầu tư tài chính dài hạn	10	0	-	-	-	0
Tài sản dài hạn khác	10	34	32	28	19	36
Lợi thế thương mại	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng tài sản	1,190	1,344	1,374	1,650	1,495	1,536
Nợ phải trả	801	999	898	1,076	806	701
Nợ ngắn hạn	793	993	892	1,069	799	693
Nợ dài hạn	7	6	7	7	8	8
Vốn chủ sở hữu	389	345	476	574	689	835
Vốn điều lệ	200	200	300	390	402	482
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	-
Tổng nguồn vốn	1,190	1,344	1,374	1,650	1,495	1,536

Lưu chuyển tiền tệ	2014A	2015A	2016A	2017A	2018	2019F
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Kinh doanh	(211)	180	23	(280)	364	335
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Đầu tư	(73)	(145)	(6)	(47)	(76)	(53)
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐTC	374	47	(14)	168	(428)	(200)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	89	82	2	(159)	(140)	81
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	152	241	323	326	166	27
Tiền & tương đương tiền cuối kỳ	241	323	324	167	26	108
Chỉ số tài chính (%)	2014A	2015A	2016A	2017A	2018	2019F
Tăng trưởng						
Doanh thu		0%	7%	14%	9%	6%
Lợi nhuận sau thuế		55%	6%	9%	61%	13%
Tổng tài sản		13%	2%	20%	-9%	3%
Tổng VCSH		-11%	38%	21%	20%	21%
Khả năng sinh lời						
Tỷ suất lãi gộp	8%	9%	8%	8%	10%	10%
Tỷ suất EBIT	3%	4%	4%	4%	6%	6%
Tỷ suất EBITDA	4%	5%	6%	6%	7%	7%
Tỷ suất lãi ròng	2%	3%	3%	3%	5%	5%
ROA	5%	7%	7%	7%	12%	13%
ROE	16%	28%	22%	20%	26%	25%
Hiệu quả hoạt động						
Vòng quay khoản phải thu	15.7	13.8	12.3	8.5	13.2	12.0
Vòng quay HTK	5.0	5.9	6.0	4.4	4.1	4.9
Vòng quay khoản phải trả	45.8	52.0	92.3	69.6	45.8	56.0
Khả năng thanh toán						
Tỷ suất thanh toán hiện thời	1.26	1.10	1.21	1.26	1.49	1.77
Tỷ suất thanh toán nhanh	0.59	0.65	0.67	0.57	0.44	0.70
Cấu trúc tài chính						
Tổng nợ/Tổng TS	67%	74%	65%	65%	54%	46%
Tổng nợ/VCSH	206%	290%	189%	187%	117%	84%
Vay ngắn hạn/VCSH	204%	288%	188%	186%	116%	83%
Vay dài hạn/VCSH	2%	2%	1%	1%	1%	1%

Nguồn: PHS

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Mua = cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Giữ = bằng thị trường nội địa với tỉ lệ từ +10%~ -10%

Bán = thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Không đánh giá = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479

Customer Service: (+84-28) 5 411 8855

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Fax: (+84-28) 5 413 5472

Call Center: (+84-28) 5 413 5488

Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5478

Fax: (+84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 3 820 8068

Fax: (+84-28) 3 820 8206

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 1, Tòa nhà 18T2, Lê Văn Lương, Trung Hòa Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Phone: (+84-24) 6 250 9999

Fax: (+84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (+84-28) 3 813 2405

Fax: (+84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Naforimex, 19 Bà Triệu, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

Phone: (+84-24) 3 933 4560

Fax: (+84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (+84-225) 384 1810

Fax: (+84-225) 384 1801